

KẾ HOẠCH

Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 27/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình điều tra, đánh giá tổng thể nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của các loài thủy sản trên phạm vi cả nước định kỳ 5 năm đến năm 2030; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đánh giá được hoạt động khai thác, cường lực và sản lượng khai thác thủy sản giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; xác định được mức độ xâm hại nguồn lợi của một số nghề khai thác thủy sản chính; cung cấp bổ sung dữ liệu cho việc điều chỉnh cơ cấu nghề và cấp hạn ngạch khai thác; đề xuất giải pháp quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

- Cập nhật hàng năm dữ liệu về số lượng, cơ cấu tàu thuyền và loại nghề khai thác thủy sản ở tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030.
- Đánh giá được hiện trạng hoạt động khai thác, ngư trường khai thác, cường lực và sản lượng khai thác thủy sản hàng năm.
- Đánh giá được đặc điểm sinh học cơ bản của một số loài thủy sản kinh tế.
- Đánh giá được áp lực khai thác của một số loài thủy sản kinh tế và mức độ xâm hại nguồn lợi của một số loại nghề khai thác chính trên địa bàn tỉnh.
- Xây dựng được danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng biển Thanh Hóa.
- Xác định và cung cấp bổ sung dữ liệu cho việc điều chỉnh cơ cấu nghề và cấp hạn ngạch khai thác.
- Đề xuất điều chỉnh các giải pháp quản lý khai thác hiệu quả, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và phát triển nghề cá bền vững.
- Cập nhật hàng năm bộ dữ liệu điều tra nghề cá thương phẩm phục vụ công tác quản lý ngành thủy sản giai đoạn 2026 - 2030.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

3.1. Nội dung của nhiệm vụ

3.1.1. Nội dung 1: Điều tra, thống kê tàu cá ở tỉnh Thanh Hóa

- Nội dung công việc: Điều tra, thống kê về cơ cấu tàu thuyền, loại nghề khai thác và công tác quản lý nghề cá, bảo vệ nguồn lợi ở các xã, phường nghề cá.
- Tần suất điều tra: 1 đợt/năm.
- Địa điểm điều tra: Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường nghề cá.
- Phương pháp điều tra: Thống kê trên cơ sở dữ liệu quản lý tàu cá tại Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, phường nghề cá; điều tra phỏng vấn trực tiếp bằng phiếu các cán bộ quản lý tại UBND các xã, phường nghề cá để thu thập thông tin, dữ liệu.
- Tiến độ thực hiện: Tháng 5-6 hàng năm.

3.1.2. Nội dung 2: Điều tra thông tin về hoạt động khai thác và sản lượng khai thác của các đội tàu cá ở tỉnh Thanh Hóa

- Nội dung công việc 1: Điều tra thông tin về hoạt động khai thác của các đội tàu cá ở vùng biển ven bờ, vùng lộng và vùng khơi
 - + Điều tra, thu thập thông tin, số liệu về hoạt động khai thác của 4 loại nghề (nghề câu, lồng bẫy, rê đáy, lưới kéo moi) ở vùng biển ven bờ; 6 loại nghề (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, pha xúc/te) ở vùng lộng và 6 loại nghề (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, lưới vây) ở vùng khơi.
 - + Điều tra thông tin hệ số hoạt động khai thác hải sản (BAC) của các đội tàu và số ngày khai thác tiềm năng của 6 loại nghề khai thác (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, lưới vây).
 - + Xây dựng báo cáo "Kết quả điều tra hoạt động khai thác thủy sản của các đội tàu ở tỉnh Thanh Hóa".
 - + Tần suất điều tra: 06 đợt/năm.
 - + Địa điểm điều tra: Cảng cá, bến cá, khu neo đậu và ở tại nhà ngư dân.
 - + Phương pháp điều tra: Điều tra, phỏng vấn trực tiếp chủ tàu/thuyền trưởng bằng phiếu điều tra để thu thập thông tin, số liệu hoạt động khai thác. Phân tích xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê mô tả theo hướng dẫn của FAO.
 - + Tiến độ thực hiện: 3 tháng/vụ cá (vụ cá Bắc, vụ cá Nam), kết thúc trước tháng 12 hàng năm.
- Nội dung công việc 2: Điều tra thông tin về sản lượng khai thác của các đội tàu ở vùng biển ven bờ, vùng lộng và vùng khơi.

+ Điều tra, thu thập thông tin, số liệu về sản lượng khai thác (loài/nhóm loài, sản lượng, giá bán) của 4 loại nghề ở vùng biển ven bờ (nghề câu, lồng bẫy, rê đáy, lưới kéo moi), 6 loại nghề ở vùng lộng (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, pha xúc/te) và 6 loại nghề ở vùng khơi (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, lưới vây).

+ Xây dựng báo cáo "Kết quả điều tra sản lượng khai thác sản của các đội tàu tỉnh Thanh Hóa".

+ Tần suất điều tra: 06 đợt/năm.

+ Địa điểm điều tra: cảng cá, bến cá, khu neo đậu và ở tại nhà ngư dân.

+ Phương pháp điều tra: Điều tra, phỏng vấn trực tiếp chủ tàu/thuyền trưởng bằng phiếu điều tra để thu thập thông tin, số liệu sản lượng khai thác. Phân tích xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê mô tả theo hướng dẫn của FAO.

+ Tiến độ thực hiện: 3 đợt/vụ cá (vụ cá Bắc, vụ cá Nam), kết thúc trước tháng 12 hàng năm.

3.1.3. Nội dung 3: Điều tra thu thập, phân tích mẫu sinh học nghề cá ở tỉnh Thanh Hóa

- Nội dung công việc 1: Điều tra thu thập và phân tích mẫu thành phần loài nhóm thương phẩm trong sản lượng khai thác.

+ Thu thập và phân tích mẫu thành phần loài nhóm thương phẩm của 4 loại nghề ở vùng biển ven bờ (nghề câu; lồng bẫy; rê đáy; lưới kéo moi: 32 mẫu); 6 loại nghề ở vùng lộng (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, pha xúc/te: 48 mẫu) và 6 loại nghề ở vùng khơi (nghề câu, lồng bẫy, lưới chụp, lưới kéo, rê đáy, lưới vây: 48 mẫu).

+ Xây dựng báo cáo "Kết quả điều tra thu thập và phân tích mẫu thành phần loài nhóm thương phẩm trong sản lượng khai thác của các nghề ở tỉnh Thanh Hóa"

+ Tần suất điều tra: 04 đợt/năm.

+ Loài phân tích mẫu: 2 loài cá đáy; 1 loài cá nổi; 1 loài mực; 1 loài ghẹ; 1 loài tôm.

+ Địa điểm điều tra: Cảng cá, bến cá, khu lên cá tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương pháp điều tra: Điều tra, thu thập và phân tích mẫu thành phần loài nhóm thương phẩm của các loại nghề khai thác chính ở các vùng biển đảm bảo bao phủ toàn bộ sản lượng của chuyên biển. Phương pháp thu mẫu ngẫu nhiên được áp dụng đảm bảo đại diện cho nhóm thương phẩm. Phân tích mẫu thực hiện trực tiếp tại hiện trường hoặc tại phòng thí nghiệm. Phân tích xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê mô tả các chỉ tiêu về nhóm thương phẩm theo hướng dẫn của FAO.

+ Tiến độ thực hiện: 02 đợt/vụ cá (vụ cá Bắc, vụ cá Nam), kết thúc trước tháng 12 hàng năm.

- Nội dung công việc 2: Điều tra thu thập và phân tích mẫu sinh học của loài thủy sản kinh tế

+ Thu thập và phân tích mẫu sinh học (đo kích thước, phân tích đặc điểm sinh học) 06 loài kinh tế trong sản lượng của các nghề khai thác ở vùng biển ven bờ (72 mẫu), vùng lồng (72 mẫu) và vùng khơi (72 mẫu).

+ Xây dựng báo cáo "Kết quả thu thập và phân tích mẫu sinh học của loài thủy sản kinh tế ở tỉnh Thanh Hóa".

+ Tần suất điều tra: 04 đợt/năm.

+ Loài phân tích mẫu: 2 loài cá đáy; 1 loài cá nổi; 1 loài mực; 1 loài ghẹ; 1 loài tôm.

+ Địa điểm điều tra: Cảng cá, bến cá, khu lên cá tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương pháp điều tra: Điều tra, thu thập và phân tích mẫu sinh học của các loài thủy sản kinh tế đại diện cho các nhóm nguồn lợi khai thác chính ở vùng biển Thanh Hóa. Phương pháp thu mẫu ngẫu nhiên được áp dụng đảm bảo đại diện cho kích thước của loài trong sản lượng khai thác. Phân tích xử lý dữ liệu bằng phương pháp thống kê mô tả các chỉ tiêu sinh học theo hướng dẫn của FAO.

+ Tiến độ thực hiện: 04 đợt thực hiện vào mùa sinh sản chính của đối tượng điều tra; từ tháng 3 đến tháng 7 hàng năm, kết thúc trước tháng 12 hàng năm.

3.1.4. Nội dung 4: Nghiên cứu cơ sở khoa học và đề xuất giải pháp bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa

- Nghiên cứu đánh giá tổng hợp hiện trạng khai thác thủy sản và nghề cá thương phẩm ở tỉnh Thanh Hóa.

- Nghiên cứu đánh giá mức độ xâm hại nguồn lợi của các loại nghề khai thác và xác định mùa vụ cấm khai thác ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa.

- Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất giải pháp quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa.

- Xây dựng sơ đồ phân bố ngư trường hoạt động khai thác hải sản của các loại nghề khai thác chính (nghề câu, lồng bẫy, nghề chụp, lưới kéo, lưới rê, lưới vây, pha xúc) của tỉnh Thanh Hóa: 07 sơ đồ.

- Nghiên cứu xây dựng và đề xuất danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa.

- Xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

3.2. Sản phẩm của nhiệm vụ

(1) Báo cáo tổng kết nhiệm vụ: 01 báo cáo/năm.

(2) Báo cáo nghiên cứu, đánh giá tổng hợp: 04 báo cáo/năm

- Báo cáo “Nghiên cứu đánh giá tổng hợp hiện trạng khai thác thủy sản và nghề cá thương phẩm ở tỉnh Thanh Hóa”.

- Báo cáo “Nghiên cứu đánh giá mức độ xâm hại nguồn lợi của các loại nghề khai thác và xác định mùa vụ cấm khai thác ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa”.

- Báo cáo “Nghiên cứu cơ sở khoa học, đề xuất giải pháp quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa”.

- Báo cáo “Nghiên cứu xây dựng và đề xuất danh mục nghề, ngư cụ cấm sử dụng khai thác thủy sản phục vụ công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản ở vùng biển tỉnh Thanh Hóa”.

(3) Báo cáo kết quả điều tra: 05 báo cáo/năm

- Báo cáo “Kết quả điều tra, thống kê tổng số tàu cá và cơ cấu tàu cá ở tỉnh Thanh Hóa”

- Báo cáo “Kết quả điều tra hoạt động khai thác thủy sản của các đội tàu ở tỉnh Thanh Hóa”.

- Báo cáo “Kết quả điều tra sản lượng khai thác thủy sản của các đội tàu tỉnh Thanh Hóa”.

- Báo cáo “Kết quả điều tra thu thập và phân tích mẫu thành phần loài nhóm thương phẩm trong sản lượng khai thác của các nghề ở tỉnh Thanh Hóa”.

- Báo cáo “Kết quả thu thập và phân tích mẫu sinh học của loài thủy sản kinh tế ở tỉnh Thanh Hóa”.

(4) Sơ đồ phân bố ngư trường: 07 sơ đồ phân bố/năm.

(5) Bộ số liệu điều tra: 01 bộ số liệu/năm.

III. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Hàng năm, giai đoạn 2026 - 2030.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Kinh phí thực hiện “Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030 được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách tỉnh hằng năm.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chỉ đạo Chi cục Biển đảo và Thủy sản (đơn vị được giao nhiệm vụ) thực hiện các nội dung sau:

- Trên cơ sở Kế hoạch này, căn cứ kết quả điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn trước và tình hình thực tiễn, xây dựng kế hoạch hàng năm, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt đảm bảo không trùng lặp nội dung với các nhiệm vụ điều tra, đánh giá trước đó, hoàn thành mục tiêu đề ra, sử dụng nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật.

- Lập dự toán kinh phí, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt; tổ chức lựa chọn đơn vị thực hiện theo quy định hiện hành.

- Trước ngày 25/12 hàng năm, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện và đề xuất những nhiệm vụ và giải pháp trong công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh hoặc điều chỉnh Kế hoạch phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn.

- Nhập dữ liệu điều tra vào cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản và lưu trữ kết quả điều tra theo quy định.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định dự toán, cân đối nguồn vốn và tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch hàng năm, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định.

3. UBND các xã, phường nghề cá và các đơn vị có liên quan

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong công tác thực hiện nhiệm vụ điều tra, thu mẫu và phân tích mẫu nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch Điều tra, đánh giá nghề cá thương phẩm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2026 - 2030, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c)
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- UBND các xã, phường nghề cá¹;
- Lưu: VT, NNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

¹ Các xã, phường nghề cá: Hồ Vương, Tân Tiến, Nga Sơn, Vạn Lộc, Hoa Lộc, Hoàng Tiến, Hoàng Thanh, Hoàng Châu, Sầm Sơn, Nam Sầm Sơn, Quảng Ninh, Quảng Bình, Tiên Trang, Ngọc Sơn, Tân Dân, Hải Lĩnh, Tĩnh Gia, Hải Bình, Nghi Sơn và Quảng Phú.